

TÌNH TIẾT GIẢM NHẸ ĐẦU THỦ THEO KHOẢN 2 ĐIỀU 51 BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 2015: BẤT CẬP TRONG QUY ĐỊNH, THỰC TIỄN ÁP DỤNG VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN

Phạm Trung Hiếu¹, Võ Thị Thanh Huyền²
Email: hieupham213@gmail.com, ORCID: 0009-0001-0385-9916

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 08/01/2026. Ngày phản biện đánh giá: 06/07/2026.
Ngày bài báo được duyệt đăng: 23/07/2026.
DOI: 10.59266/houjs.2026.1379

Tóm tắt: Bài viết phân tích tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (TNHS) “đầu thủ” theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự (BLHS) năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025) và hướng dẫn tại Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐTP. Qua phân tích quy định pháp luật và vụ án điển hình, bài viết chỉ ra cơ chế trao quyền tùy nghi cho Tòa án (TA) trong việc công nhận đầu thủ đã dẫn đến thực tiễn áp dụng thiếu thống nhất và chưa bảo đảm mục tiêu chính sách hình sự khuyến khích người phạm tội hợp tác với cơ quan tiến hành tố tụng. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất hoàn thiện quy định theo hướng tăng tính ràng buộc pháp lý, bảo đảm sự thống nhất và minh bạch trong hoạt động xét xử.

Từ khóa: tình tiết giảm nhẹ, đầu thủ, quyền tùy nghi, chính sách hình sự, quyết định hình phạt

I. Đặt vấn đề

Kể từ khi Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐTP có hiệu lực, việc đánh giá khả năng vận hành trên thực tế của quy định hướng dẫn áp dụng tình tiết giảm nhẹ (TTGN) TNHS trở thành yêu cầu cấp thiết, nhằm phát hiện sớm bất cập, vướng mắc, tránh để kéo dài dẫn đến cách hiểu và áp dụng không thống nhất giữa các cấp xét xử. Đầu thủ là tình tiết phản ánh thái độ hợp tác, ăn năn của người phạm tội sau khi hành vi bị phát hiện, có ý nghĩa khuyến khích ra trình diện, hỗ trợ làm rõ sự thật vụ án và thể hiện tính nhân đạo của chính sách

hình sự (Phạm, 2020). Tuy nhiên, khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025) quy định các TTGN theo hướng bắt buộc phải xem xét khi có căn cứ áp dụng, trong khi khoản 2 Điều 51 chỉ quy định TA “có thể coi” đầu thủ là TTGN và Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐTP cũng chưa đưa ra tiêu chí đủ rõ để xác định khi nào tình tiết này được ghi nhận. Hệ quả là việc công nhận đầu thủ phụ thuộc nhiều vào đánh giá của từng hội đồng xét xử, dẫn đến áp dụng thiếu thống nhất và làm giảm hiệu quả khuyến khích hợp tác. Đây là vấn đề vừa mang tính

¹ Viện KHXH vùng Trung Bộ và Tây Nguyên, Đà Nẵng, Việt Nam

² Trường Đại học Khoa học Huế, Huế, Việt Nam

kỹ thuật áp dụng pháp luật, vừa là bất cập ở phương diện lập pháp cần được nghiên cứu, sửa đổi. Do đầu thú được viện dẫn thường xuyên trong xét xử các tội phạm về ma túy, xâm phạm sở hữu và trật tự xã hội, sự thiếu thống nhất trong áp dụng có nguy cơ lan thành bất bình đẳng mang tính hệ thống giữa các bị cáo có hành vi hợp tác tương đồng. Trong bối cảnh Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐTP mới ban hành và đang triển khai áp dụng, việc chỉ ra sớm bất cập trong quy định về đầu thú và đề xuất hướng sửa đổi có ý nghĩa thực tiễn trực tiếp đối với việc bảo đảm quyền được xét xử công bằng và công tác hướng dẫn áp dụng pháp luật thống nhất trong toàn ngành Tòa án.

II. Cơ sở lý thuyết

Tình tiết giảm nhẹ TNHS là những hoàn cảnh liên quan đến hành vi phạm tội hoặc nhân thân người phạm tội, có tác dụng làm giảm mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi và được TA xem xét khi quyết định hình phạt (Võ, 2005). Việc pháp luật chỉ ghi nhận đầu thú là tình tiết TA “có thể coi” là giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 BLHS đặt ra yêu cầu xác lập cơ sở lý luận cho cả tính chính đáng lẫn giới hạn của quyền tùy nghi mà TA được trao.

Bài viết vận dụng ba lý thuyết làm khung phân tích. Thứ nhất, lý thuyết cá thể hóa hình phạt đặt cơ sở cho việc trao cho TA quyền tùy nghi khi xem xét TTGN, do hình phạt cần được cân nhắc theo đặc điểm riêng của từng vụ án và từng người phạm tội thay vì áp dụng đồng nhất (Nguyễn, 2019). Thứ hai, lý thuyết chính sách hình sự khoan hồng có điều kiện xem giảm nhẹ

TNHS là công cụ khuyến khích hợp tác, chỉ phát huy hiệu quả khi lợi ích pháp lý được quy định đủ rõ để người phạm tội có thể dự liệu trước (Đào, 2000). Thứ ba, lý thuyết giới hạn quyền tùy nghi tư pháp bằng nguyên tắc pháp quyền khẳng định quyền tùy nghi của TA, dù cần thiết cho việc cá thể hóa trách nhiệm pháp lý nhưng chỉ chính đáng khi bị ràng buộc bởi tiêu chí pháp lý rõ ràng và cơ chế giải trình cụ thể (Nguyễn, 2005).

Ba lý thuyết bổ sung cho nhau theo một trật tự lô-gíc, lý thuyết thứ nhất lý giải vì sao cần trao quyền tùy nghi, lý thuyết thứ hai xác định mục tiêu quyền tùy nghi phải phục vụ, còn lý thuyết thứ ba xác lập giới hạn để quyền tùy nghi không vượt quá phạm vi cần thiết. Khung lý thuyết này lý giải vì sao cơ chế “có thể coi” đầu thú là TTGN tại khoản 2 Điều 51 BLHS, vừa có cơ sở lý luận chính đáng, vừa tiềm ẩn nguy cơ vận hành thiếu thống nhất nếu không được ràng buộc bởi tiêu chí cụ thể.

III. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp phân tích quy phạm pháp luật để làm rõ nội dung, tính chất pháp lý và mức độ xác định của tình tiết đầu thú theo khoản 2 Điều 51 BLHS và hướng dẫn tại Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐTP, từ đó đánh giá mức độ phù hợp giữa quy định hiện hành với yêu cầu bảo đảm tính thống nhất trong áp dụng pháp luật và mục tiêu khuyến khích hợp tác của chính sách hình sự.

Phương pháp nghiên cứu tình huống được vận dụng thông qua phân tích Bản án số 102/2023/HS-ST ngày 17/11/2023. Vụ án này được lựa chọn vì thể hiện rõ

khó khăn, vướng mắc trong áp dụng tình tiết đầu thú, đặc biệt là sự khác biệt trong cách đánh giá giữa các cấp xét xử. Việc đối chiếu lập luận và quyết định của TA qua hai cấp xét xử giúp làm rõ nguy cơ thiếu thống nhất trong thực tiễn áp dụng pháp luật khi quy định về đầu thú còn mang tính tùy nghi và chưa có tiêu chí hướng dẫn cụ thể.

IV. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Bất cập trong quy định pháp luật

Khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 quy định TA “có thể coi đầu thú là tình tiết giảm nhẹ TNHS”. Điều 3 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐTP cụ thể hóa: “đầu thú là trường hợp sau khi tội phạm hoặc người phạm tội bị phát hiện, người phạm tội tự nguyện ra trình diện và khai báo với cơ quan có thẩm quyền về hành vi phạm tội của mình”. Như vậy, đầu thú được cấu thành bởi hai dấu hiệu là ra trình diện và tự nguyện khai báo.

Dấu hiệu “ra trình diện” cần được nhận diện trong tương quan với tình tiết tự thú tại điểm r khoản 1 Điều 51 BLHS. Theo khoản 16 Điều 2 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐTP và điểm h, điểm i khoản 1 Điều 4 Bộ luật Tố tụng Hình Sự (BLTTHS) năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021, 2024, 2025), “tự thú là việc người phạm tội tự nguyện khai báo về hành vi phạm tội của mình trước khi hành vi đó bị phát hiện; trường hợp người phạm tội đã bị bắt hoặc bị phát hiện về một hành vi phạm tội cụ thể nhưng trong quá trình điều tra tự khai ra hành vi phạm tội khác chưa bị phát hiện thì việc khai báo thêm đó vẫn được coi là tự thú”. Do đó, người phạm tội đang bị kiểm tra, tạm giữ vì một

hành vi đã bị phát hiện nhưng chủ động khai báo thêm hành vi phạm tội khác chưa bị phát hiện thuộc phạm vi điều chỉnh của tự thú, một TTGN bắt buộc phải xem xét theo khoản 1 Điều 51, không phụ thuộc vào quyền tùy nghi của TA như đầu thú. Vướng mắc trong thực tiễn áp dụng nằm ở việc phân định ranh giới giữa tự thú và đầu thú, hai tình tiết có điều kiện áp dụng gần giống nhau và dễ bị nhầm lẫn trong xét xử, dẫn đến nguy cơ bỏ sót TTGN mà người phạm tội đáng lẽ đương nhiên được hưởng. Ngay đối với những trường hợp thực sự thuộc phạm vi đầu thú, dấu hiệu “tự nguyện” cũng chưa có tiêu chí pháp lý cụ thể để phân biệt việc trình diện xuất phát từ sự hợp tác thực chất với việc trình diện mang tính bị động do người phạm tội không còn khả năng lẩn tránh.

Đối với những trường hợp đáp ứng đúng dấu hiệu pháp lý của đầu thú, mâu thuẫn lớn hơn nằm ở chính cấu trúc của khoản 2 Điều 51. Mặc dù pháp luật thừa nhận đầu thú là hành vi có giá trị tích cực cần được khuyến khích, việc áp dụng tình tiết này lại hoàn toàn phụ thuộc vào quyền tùy nghi của TA, khiến cùng một hành vi hợp tác nhưng vụ án này được xem xét giảm nhẹ, vụ án khác lại không được công nhận hoặc không tạo ra hệ quả pháp lý thực chất. Khi lợi ích pháp lý của việc hợp tác không thể dự đoán trước, chức năng khuyến khích của chính sách hình sự cũng bị suy giảm đáng kể.

4.2. Thực tiễn áp dụng

Bản án hình sự sơ thẩm số 102/2023/HS-ST ngày 17/11/2023 là ví dụ điển hình cho khó khăn, vướng mắc trong việc nhận thức và phân biệt chính xác

giữa tình tiết đầu thú và tự thú trên thực tiễn xét xử. Theo nội dung vụ án: “Ngày 08/6/2023, Nguyễn Ngọc P cùng một số người khác sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng trọ. Khi lực lượng Công an tiến hành kiểm tra hành chính, các đối tượng được xác định dương tính với ma túy. Sau đó, Nguyễn Ngọc P làm đơn đầu thú và khai nhận hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, đây cũng là căn cứ quan trọng để truy cứu TNHS đối với bị cáo” (Tòa án nhân dân tối cao, 2025). Đối chiếu với các quy định đã phân tích tại mục 4.1, hành vi dương tính với ma túy là hành vi đã bị lực lượng Công an phát hiện tại chỗ, còn hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là hành vi phạm tội khác chưa bị phát hiện tại thời điểm kiểm tra. Việc Nguyễn Ngọc P chủ động khai báo thêm hành vi này, do đó đáp ứng đầy đủ dấu hiệu của tự thú theo khoản 16 Điều 2 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐTP và điểm h khoản 1 Điều 4 BLTTHS, chứ không phải đầu thú như tên gọi trong đơn mà bị cáo đã sử dụng.

Giữa hai cấp xét xử đã xuất hiện cách đánh giá khác nhau đối với cùng một tình tiết. TA cấp sơ thẩm không công nhận đầu thú với lý do bị cáo không tự ra trình diện vì đã bị phát hiện tại chỗ; kết luận này phù hợp xét theo tiêu chí hình thức của đầu thú, song lại bỏ qua khả năng áp dụng tình tiết tự thú đối với hành vi Tổ chức sử dụng ma túy mà bị cáo đã chủ động khai báo thêm, dẫn đến việc bỏ sót một TTGN đáng lẽ bị cáo đương nhiên được hưởng theo khoản 1 Điều 51. TA cấp phúc thẩm ngược lại, công nhận đầu thú là TTGN nhưng không điều chỉnh mức

hình phạt và không giải thích căn cứ của việc không giảm nhẹ. Việc công nhận này cũng chưa chính xác về định danh pháp lý, bởi hành vi được khai báo thêm phải xác định là tự thú, khiến bị cáo tiếp tục không được hưởng đầy đủ giá trị pháp lý của TTGN mà mình đáng được hưởng do xác định sai tình tiết áp dụng.

Vụ án phản ánh ba vấn đề nổi bật: Một là, cả hai cấp xét xử đều chưa nhận diện chính xác bản chất pháp lý của hành vi khai báo thêm là tự thú theo khoản 1 Điều 51 mà chỉ xoay quanh việc có công nhận đầu thú theo khoản 2 Điều 51 hay không, cho thấy khó khăn trong nhận thức và áp dụng pháp luật khi phân biệt các TTGN có điều kiện áp dụng gần nhau. Hai là, ngay trong phạm vi những trường hợp thực sự thuộc đầu thú, pháp luật hiện cũng chưa có tiêu chí đủ rõ để xác định thống nhất dấu hiệu tự nguyện, khiến các cơ quan xét xử khó tránh khỏi cách hiểu khác nhau. Ba là, dù TTGN được xác định là đầu thú, pháp luật hiện cũng chưa đặt ra nghĩa vụ giải trình bắt buộc về hệ quả giảm nhẹ, khiến tình tiết này có thể tồn tại về mặt hình thức nhưng không tạo tác động thực chất trong quyết định hình phạt.

4.3. Thảo luận về quyền tùy nghi của Tòa án

Việc quy định đầu thú tại khoản 2 Điều 51 theo hướng trao quyền tùy nghi cho TA có cơ sở nhất định, vì phù hợp với nguyên tắc cá thể hóa hình phạt và không phải mọi trường hợp khai báo sau khi bị phát hiện đều có giá trị hợp tác như nhau. Tuy nhiên, cần phân biệt giữa quyền tùy nghi trong việc xác định điều kiện áp dụng

và quyền tùy nghi trong hệ quả pháp lý của TTGN. TA cần được trao quyền đánh giá liệu hành vi khai báo có đáp ứng điều kiện của đầu thú hay không, nhưng khi tình tiết này đã được xác định, việc có áp dụng giảm nhẹ hay không cần gắn với nghĩa vụ giải trình cụ thể. Nếu TA có thể công nhận tình tiết nhưng không áp dụng hệ quả pháp lý nào mà không nêu lý do, quyền tùy nghi sẽ vượt quá giới hạn cần thiết và ảnh hưởng đến yêu cầu minh bạch trong xét xử. Yêu cầu kiểm soát quyền tùy nghi này cũng đã được khẳng định trong các định hướng cải cách tư pháp, đặc biệt tại Nghị quyết số 04-NQ/TW, Nghị quyết số 27-NQ/TW và các Quy định số 32-QĐ/TW, Quy định số 114-QĐ/TW của Trung ương, theo đó hoạt động xét xử phải bảo đảm tính minh bạch, có căn cứ pháp lý, có thể kiểm tra và giải trình.

Quyền tùy nghi nêu trên chỉ có ý nghĩa đối với những trường hợp đã được định danh chính xác là đầu thú. Trường hợp cơ quan xét xử nhầm lẫn giữa tự thú và đầu thú như tại vụ án phân tích ở mục 4.2 không thuộc phạm vi quyền tùy nghi hợp pháp của TA mà là vấn đề về năng lực nhận thức và áp dụng pháp luật hình sự, tổ tụng hình sự. Việc phân định rạch ròi hai vấn đề này có ý nghĩa quan trọng: quyền tùy nghi của TA cần được tôn trọng và kiểm soát bằng cơ chế giải trình, còn khó khăn về nhận thức pháp luật cần được khắc phục bằng đào tạo, hướng dẫn nghiệp vụ, chứ không phải bằng cách mở rộng nội hàm của đầu thú sang những trường hợp vốn thuộc phạm vi điều chỉnh của tự thú.

4.4. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật

Từ những phân tích trên, bài viết đề xuất hoàn thiện quy định của BLHS,

kết hợp với các giải pháp bảo đảm áp dụng thống nhất trên thực tiễn xét xử.

Thứ nhất, về hoàn thiện pháp luật: Cần sửa đổi khoản 2 Điều 51 BLHS theo hướng chuyển từ cơ chế “có thể coi là TTGN” sang cơ chế TA phải công nhận đầu thú là TTGN, trừ trường hợp có căn cứ cụ thể để không áp dụng và căn cứ đó phải được nêu rõ trong bản án. Cách sửa đổi này vừa duy trì mức độ quyền tùy nghi cần thiết cho việc cá thể hóa TNHS theo lý thuyết cá thể hóa hình phạt, vừa ràng buộc quyền tùy nghi đó bằng nghĩa vụ giải trình theo lý thuyết giới hạn quyền tùy nghi tư pháp đã trình bày tại mục II, qua đó khắc phục trực tiếp bất cập về cấu trúc quy phạm đã chỉ ra tại mục 4.1 và 4.3.

Thứ hai, về giải pháp bảo đảm áp dụng thống nhất: Cần tăng cường hướng dẫn nghiệp vụ và tập huấn chuyên sâu cho đội ngũ Thẩm phán, Hội thẩm về tiêu chí phân biệt giữa tự thú, đầu thú và thành khẩn khai báo. Trường hợp người phạm tội đã bị kiểm tra, tạm giữ vì một hành vi phạm tội nhưng chủ động khai báo thêm hành vi phạm tội khác chưa bị phát hiện cần được xác định là tự thú theo khoản 16 Điều 2 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐTP; trường hợp người phạm tội chỉ khai nhận đầy đủ, trung thực về chính hành vi đã bị phát hiện cần được xác định là thành khẩn khai báo theo điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Việc nhầm lẫn giữa ba tình tiết này, như minh chứng tại vụ án phân tích ở mục 4.2, dẫn đến nguy cơ bỏ sót hoặc xác định sai TTGN mà người phạm tội đáng được hưởng. Bên cạnh đó, cần hoàn thiện hướng dẫn của Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐTP theo hướng phân hóa mức độ

giảm nhẹ trong phạm vi đầu thú dựa trên giá trị thực chất của việc tự nguyện trình diện, khai báo, chẳng hạn thời điểm trình diện so với tiến độ điều tra, mức độ đầy đủ và trung thực của lời khai, hiệu quả hợp tác trong việc làm rõ vụ án. Việc phân hóa này chỉ áp dụng đối với những trường hợp đã đáp ứng đúng dấu hiệu pháp lý của đầu thú theo khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐTP, không mở rộng sang các trường hợp thuộc phạm vi tự thú hoặc thành khẩn khai báo.

V. Kết luận

Tình tiết giảm nhẹ “đầu thú” theo khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 hiện bộc lộ hai bất cập chính: cơ chế “có thể coi” trao cho TA quyền tùy nghi quá rộng, thiếu tiêu chí xác định thống nhất và nghĩa vụ giải trình, đồng thời, thực tiễn xét xử còn nhầm lẫn giữa đầu thú với tự thú, thành khẩn khai báo do các tình tiết này có điều kiện áp dụng gần như nhau. Bản án số 102/2023/HS-ST là minh chứng cho cả hai vấn đề trên, khiến việc áp dụng thiếu thống nhất và làm suy giảm hiệu quả khuyến khích hợp tác của chính sách hình sự.

Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất sửa đổi khoản 2 Điều 51 theo hướng công nhận đầu thú là TTGN mặc định, kèm nghĩa vụ giải trình khi không áp dụng; đồng thời, tăng cường tập huấn phân biệt tự thú, đầu thú, thành khẩn khai báo và hoàn thiện hướng dẫn tại Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐTP về phân hóa mức độ giảm nhẹ trong phạm vi đầu thú nhằm bảo đảm tính minh bạch, thống nhất trong hoạt động xét xử. Vấn đề kiểm soát quyền tùy nghi tư pháp đặt ra ở đây cũng gợi mở hướng nghiên cứu tiếp theo đối với toàn bộ hệ thống TTGN trách nhiệm hình sự.

Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Trung ương (2026). *Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 01/4/2026 về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong giai đoạn mới*.
- Ban Chấp hành Trung ương (2023). *Quy định số 32-QĐ/TW ngày 27/10/2023 về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án*.
- Bộ Chính trị (2022). *Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới*.
- Bộ Chính trị (2023). *Quy định số 114-QĐ/TW ngày 11/7/2023 về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án*.
- Đào, T. U. (2000). *Luật hình sự Việt Nam (Quyển I): Những vấn đề chung*. NXB Khoa học xã hội.
- Nguyễn, Đ. D. (2005). *Sự hạn chế quyền lực nhà nước*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nguyễn, N. H. (2019). *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*. NXB Công an nhân dân.
- Phạm, V. B. (2020). *Luật hình sự Việt Nam: Quyển 1 (Phần chung)*. NXB Chính trị Quốc gia sự thật.
- Quốc hội (2025a). *Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2024, 2025*.
- Quốc hội (2025b). *Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2021, 2024, 2025*.
- Tòa án nhân dân tối cao. (2025). *Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30/09/2025 của HĐTP TANDTC hướng dẫn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng TNHS quy định tại Điều 51 và Điều 52 của BLHS*.

Tòa án nhân dân tối cao. (2025). *Bản án hình sự sơ thẩm số 102/2023/HS-ST ngày 17/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang về tình tiết giảm nhẹ người phạm tội “đầu thú”*.

Võ, K. V. (2005). *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam: Phần chung*. NXB Công an nhân dân.

THE MITIGATING CIRCUMSTANCE OF VOLUNTARY SURRENDER UNDER CLAUSE 2, ARTICLE 51 OF THE 2015 PENAL CODE: SHORTCOMINGS IN LEGAL PROVISIONS, PRACTICAL APPLICATION, AND RECOMMENDATIONS FOR LEGAL REFORM

Pham Trung Hieu¹, Vo Thi Thanh Huyen²

Abstract: *This article examines the mitigating circumstance of voluntary surrender under Clause 2, Article 51 of the 2015 Criminal Code of Vietnam (as amended and supplemented in 2017, 2024, and 2025) and the guidance provided in Resolution No. 04/2025/NQ-HĐTP. Through an analysis of the relevant legal provisions and representative case law, the article demonstrates that the discretionary authority granted to courts in recognizing voluntary surrender as a mitigating circumstance has resulted in inconsistent judicial practice and has failed to fully achieve the criminal policy objective of encouraging offenders to cooperate with criminal justice authorities. On this basis, the article proposes amendments to strengthen the legal framework's binding nature, thereby ensuring greater consistency, transparency, and predictability in judicial adjudication.*

Keywords: *mitigating circumstances, surrender, judicial discretion, criminal policy, sentencing decisions*

¹ Institute of Social Sciences of Central Region and Central Highlands, Da Nang, Vietnam

² Hue University of Sciences, Hue, Vietnam